

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “Kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

ông Đinh Phước Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3228/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Lý H - Đoàn luật sư thành phố Đ; có mặt.

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hồ Ngọc C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (Văn bản ủy quyền số 13/GUQ-UBND ngày 16/11/2022); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Văn K; cư trú tại: Xóm G, thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Vào lúc 14 giờ 45 phút ngày 30/9/2022 tại nhà của bà ở xóm G, thôn T, xã M, huyện P, đại diện Ủy ban nhân dân xã M, huyện P (viết tắt là UBND xã M) là ông T – Công chức Tư pháp hộ tịch xã có đến nhà bà thông báo và giao cho bà Quyết định số 6456/QĐ-XPHC ngày 29/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (viết tắt là Quyết định số 6456). Sau khi ký nhận quyết định trên, bà có hỏi ông T là bà đâu có bị vi phạm gì mà lại có quyết định này. Sau khi xem Quyết định số 6456, bà yêu cầu ông T cung cấp 02 biên bản thể hiện trong quyết định là Biên bản số 18/BB-VPHC ngày 29/8/2022 của UBND xã M (viết tắt là Biên bản số 18), Biên bản số 01/BB-XM ngày 20/9/2022 của UBND xã M về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (viết tắt là Biên bản số 01) và các bản vẽ trích đo vị trí thửa đất mà UBND xã M cho rằng bà vi phạm nhưng ông T không cung cấp được. Đến khoảng ngày 05/10/2022, bà đến UBND xã M yêu cầu cung cấp Biên bản số 18 và Biên bản số 01 thì ông T chỉ giao cho bà bản photo Biên bản số 18.

Sau khi xem Quyết định số 6456 và Biên bản số 18, bà nhận thấy mình không thực hiện các hành vi vi phạm theo như quyết định trên nên bà thực hiện việc khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6456 vào ngày 11/10/2022 theo như nội dung tại điểm b Điều 3 của quyết định và đồng thời nộp số tiền 6.000.000 đồng theo như nội dung tại điểm a Điều 3 của quyết định.

Mặc dù Tòa án đã nhận đơn khởi kiện và xem xét giải quyết vụ án nhưng vào ngày 13/10/2022, bà tiếp tục nhận Quyết định số 6700/QĐ-CCXP ngày 13/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (viết tắt là Quyết định số 6700). Ngày 24/10/2022, bà nhận Thông báo số 119/TB-UBND ngày 24/10/2022 của UBND xã M về việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Thông báo số 120/TB-UBND ngày 24/10/2022 ngừng mua bán tại chợ C2. Ngày 28/10/2022, UBND xã M tiến hành cưỡng chế thì bà mới biết được vị trí thửa đất đó phía sau nhà bà, là thửa đất của ông Nguyễn Văn K đang sử dụng (có Văn bản trả lời số 938/UBND-TNMT ngày 17/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (viết tắt là Văn bản 938).

UBND xã M vụ không cho rằng bà đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (viết tắt là Chủ tịch UBND huyện P) ban hành Quyết định số 6456, Quyết định số 6700 là xâm phạm đến quyền và

lợi ích hợp pháp. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 6456 và Quyết định số 6700.

Bà đề nghị Toà án xem xét và làm rõ các nội dung sau đây:

- Theo Biên bản số 18, tại mục địa điểm lập biên bản là tại vị trí thửa đất và tại mục “CÁ NHÂN VI PHẠM” có ghi chữ bằng viết tay “Bà Nguyễn Thị Y đã nghe thông qua biên bản nhưng không ký vào biên bản” là hoàn toàn không đúng sự thật. Đề nghị Toà án làm rõ vì sao biên bản lập tại vị trí thửa đất thì thông tin của bà trên biên bản là căn cước công dân của bà lấy từ đâu ra, ai cung cấp thông tin của bà cho UBND xã M lập biên bản này vì căn cước công dân bà có tháng 8/2021 và bà chưa bao giờ cung cấp căn cước công dân của bà cho UBND xã M.

- Tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 6456 ghi “Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính ...”, không thể hiện rõ giờ, ngày, tháng, năm vi phạm.

- Tại Biên bản số 18 ghi “diện tích 304m²” nhưng Quyết định số 6456 thì ghi “diện tích 266m²”.

- Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6456 và Quyết định số 6700 nhưng không có bất kỳ một bản vẽ trích lục vị trí khu đất thể hiện theo toạ độ VN-2000. Toàn bộ các biên bản, quyết định do UBND xã M và Chủ tịch UBND huyện P ban hành đều là suy diễn vụ việc.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, bà Nguyễn Thị Y còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Y không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Hồ Ngọc C – Phó Chủ tịch UBND huyện P trình bày:

[1] Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất:

Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 26, diện tích 304m² tại xã M, huyện P (Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg) (viết tắt là thửa đất số 66), nay là thửa đất số 334, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ địa chính) (viết tắt là thửa đất số 334) có nguồn gốc là đất trồng lúa do UBND xã M quản lý đấu giá đất công ích cho hộ gia đình cá nhân sử dụng sản xuất nông nghiệp từ năm 1994.

Năm 2009, ông Nguyễn Văn K (con bà Nguyễn Thị Y) trúng đấu giá đất công ích sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 66 với số tiền 9.200.000 đồng. Ông K yêu cầu UBND xã M giao đất cho gia đình sử dụng đúng diện tích. Năm 2010, do diện tích đất bị một số hộ dân lấn chiếm, không giao được đủ diện tích cho ông K nên UBND xã M kết quả đấu giá ngày 22/9/2009 và hoàn trả lại tiền đấu giá, tính lãi suất theo ngân hàng cho ông K. UBND xã M đã ban hành Thông báo số 15/TB-UBND ngày 26/02/2010 và Thông báo số 49/TB-UBND ngày 13/8/2010 cho ông K biết, thực hiện. Tuy nhiên, ông K không đồng ý, tiếp tục khiếu nại; UBND xã M đã giải quyết trả lời tại Văn bản số 63/CV-UBND

ngày 27/8/2012, Văn bản số 30/TB-UBND ngày 02/4/2019 và UBND huyện P đã trả lời tại Văn bản số 938.

Năm 2021, bà Y tự ý trồng trụ bê tông (loại trụ trồng tiêu), xây móng đá chẻ (02 lớp), làm cổng bằng trụ sắt kéo lưới B40 tại thửa đất số 334. UBND xã M yêu cầu bà Y ngừng ngay việc xây dựng trái phép, nếu tiếp tục cố tình vi phạm sẽ xử lý theo quy định.

[2] Kết quả kiểm tra, xử lý và xác minh vụ việc:

Qua báo cáo kiến nghị của cử tri về việc bà Y có hành vi tự ý xây dựng tường rào trên đất do Nhà nước quản lý. Ngày 29/8/2022, UBND xã M tiến hành kiểm tra hiện trường thực tế thửa đất số 334 phát hiện bà Y xây dựng tường rào, kéo lưới B40, trồng 14 trụ bê tông (loại trụ trồng tiêu), móng xây 02 lớp đá chẻ, trồng chuối nên yêu cầu bà Y ngừng ngay việc xây dựng trái phép, nếu cố tình vi phạm sẽ xử lý theo quy định.

Qua kết quả kiểm tra hiện trường, UBND xã M tiến hành lập Biên bản số 18 đối với bà Y về hành vi chiếm đất trồng lúa với diện tích 304m² tại khu vực nông thôn, xây dựng tường rào, kéo lưới B40, trụ bê tông, móng xây 02 lớp đá chẻ, trồng chuối trên thửa đất số 334, đất do UBND xã quản lý đấu giá công ích tại thôn T, xã M, huyện P, được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (viết tắt là Nghị định số 91) (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ - viết tắt là Nghị định số 04).

Ngày 29/8/2022, Chủ tịch UBND xã M lập Tờ trình số 188/TTr-UBND về việc đề nghị Chủ tịch UBND huyện P xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Y. Qua kiểm tra hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Y và làm việc với UBND xã M về kiểm tra xác minh tình tiết vụ việc vi phạm của bà Y cho thấy:

- Theo bộ đấu giá công ích của UBND xã M, phần diện tích đấu giá là 304m², loại đất trồng lúa thuộc thửa đất số 66; qua kiểm tra đo đạc thực tế diện tích là 266m², nay là thửa đất số 334. Diện tích giảm so với sổ bộ quản lý là do sai số trong quá trình đo đạc và trù mương thoát nước ở phía Tây của thửa đất.

- Hồ sơ địa chính và bản đồ địa chính đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B phê duyệt ngày 06/6/2013 thể hiện các thửa đất số 334, 342, 343, 361, 360 là không phù hợp với hiện trạng thực tế và quá trình quản lý sử dụng đất tại địa phương (Dự án Vlap đo bao trùm luôn phần đất của UBND xã M lập bộ quản lý đấu giá đất công ích).

Qua kết quả xác minh tình tiết vụ việc xử lý vi phạm của bà Y, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6456 về việc xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 6.000.000 đồng và buộc bà Y phá dỡ tường rào và các công trình xây dựng, phá bỏ toàn bộ cây trồng tại thửa đất số 334, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, trả lại đất đã chiếm.

Qua theo dõi việc kết quả thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với bà Y, bà Y cố tình không chịu tự nguyện thi hành Quyết định số 6456, UBND xã M có Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 11/10/2022 đề nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả đối với bà Y. Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6700 về việc cưỡng chế buộc bà Y thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trả lại đất đã chiếm.

Việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 6456 và Quyết định số 6700 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND huyện P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc yêu cầu Tòa án huỷ các quyết định trên.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Thanh L – Chủ tịch UBND xã M trình bày:

Ngày 26/7/2021, UBND xã M nhận được đơn kiến nghị của cử tri về việc bà Nguyễn Thị Y; trú tại thôn T, xã M có hành vi tự ý lấn, chiếm đất công ích do UBND xã M đang quản lý để xây dựng tường rào trái phép. Sau khi nhận được kiến nghị của cử tri, UBND xã M đã chỉ đạo tổ công tác của xã phối hợp cùng với B thôn T tiến hành kiểm tra và lập biên bản hiện trường yêu cầu bà Y đình chỉ xây dựng tường rào trái phép trên đất UBND xã M quản lý. Sau khi lập biên bản, UBND xã M đã nhiều lần mời bà Y để giải quyết nhưng bà không đến với lý do dịch bệnh (Tại thời điểm bà Y có hành vi vi phạm, tình hình dịch Covid 19 diễn biến hết sức phức tạp trên địa bàn huyện P nói chung và trên địa bàn xã M nói trên). Ngày 09/11/2021, UBND xã M tiếp tục mời bà Y để giải quyết; lúc này, bà Y có đến tham gia buổi giải quyết. Kết thúc buổi làm việc, UBND xã M yêu cầu bà Y phải tự giác tháo dỡ các công trình đã xây dựng vi phạm trên đất UBND xã M đang quản lý, trả lại hiện trạng như ban đầu trước khi vi phạm. Tuy nhiên, bà Y không những không chấp hành mà còn tiếp tục xây dựng hoàn thiện công trình vi phạm. Tại thời điểm kiểm tra, thửa đất bà Y vi phạm chưa xác định được số thửa cũng như loại đất vi phạm nên chưa thể xử lý được. Để có cơ sở xử lý theo quy định, UBND xã M tiến hành xác minh nguồn gốc đất cũng như quá trình đầu giá thửa đất trên. Ngày 25/7/2022, UBND xã M có Báo cáo số 60/BC-UBND về việc xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất bà Y tự ý lấn, chiếm xây dựng tường rào trái phép trên đất UBND xã M đang quản lý đề UBND huyện P chỉ đạo các ngành chức năng của UBND huyện P cho ý kiến về loại đất. Ngày 01/8/2022, UBND huyện P có Văn bản số 1165/UBND-VP về việc phối hợp xác định loại đất vi phạm để xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp bà Y. Ngày 18/8/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P có Văn bản số 77/TNMT-CV về việc xác định loại đất.

Sau khi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P có ý kiến về loại đất, ngày 29/8/2022, UBND xã M chỉ đạo tổ công tác xã phối hợp cùng với Ban thôn T tiến hành kiểm tra, lập biên bản hiện trường đồng thời lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Y với hành vi chếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn, cụ thể: Bà Y đã chiếm diện tích 266m² đất trồng lúa, xây dựng tường rào móng đá ché, kéo lưới B40, trồng trụ bê tông, trồng cây chuối

trên thửa đất số 334 và một phần các thửa đất số 342, 343, 361, 360, tờ bản đồ số 17.

Hành vi của bà Y nêu trên đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 91 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04). Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính nêu trên là từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 38 và khoản 2 Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 91 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04) thì việc xử lý vi phạm nói trên không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã M nên UBND xã M đã có Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 28/9/2022 về việc đề nghị Chủ tịch UBND huyện P xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Y. Ngày 29/9/2022, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6456 về việc xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực quản lý đất đai đối với bà Y. Sau khi UBND huyện P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Y, UBND xã M phối hợp với Ban thôn T đến nhà bà Y để giao Quyết định số 6456. Tại thời điểm giao quyết định trên, bà Y nhận quyết định và ký vào biên bản. Tuy nhiên, trong thời hạn quy định, bà Y không chấp hành theo quyết định xử phạt. Do đó, ngày 13/10/2022, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6700 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Y. Sau khi Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6700, UBND xã M phối hợp cùng với Ban thôn T đến nhà bà Y để giao quyết định trên. Tại thời điểm giao quyết định trên, bà Y nhận quyết định và ký vào biên bản. Tuy nhiên, bà Y không tự nguyện chấp hành Quyết định số 6700 nên ngày 24/10/2022, UBND xã M đã có Tờ trình số 225/TTr-UBND về việc xin chủ trương và thống nhất thời gian tổ chức cưỡng chế đối với hộ bà Y. Ngày 25/10/2022, UBND huyện P đã có Văn bản số 1711/UBND-VP về việc cho chủ trương và thống nhất thời gian tổ chức cưỡng chế đối với bà Y. Sau khi được UBND huyện P cho chủ trương, ngày 28/10/2022, UBND xã M đã tiến hành tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với bà Y theo quy định.

Từ những căn cứ nói trên, UBND xã M không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 6456 và Quyết định số 6700. Ngoài ra, UBND xã M không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị Y. Hộ khẩu thường trú của ông ở tại xóm G, thôn T, xã M, huyện P. Tuy nhiên, do con nhỏ, mẹ vợ ông giữ con giùm nên ông có đi đi về về nhà mẹ vợ để trông con, chủ yếu ông ở nhà phía vợ nhiều hơn.

Năm 2009, ông tham gia đấu giá thửa đất số 334 nằm phía sau lưng nhà ông và ông đã trúng đấu giá thửa đất trên. Ông đã nộp số tiền 9.200.000 đồng vào ngày 22/9/2009 cho UBND xã M. Tuy nhiên, sau khi ông đã nộp tiền trúng đấu giá nhưng UBND xã M không bàn giao thửa đất trên cho ông, lý do tại sao tôi không rõ. Ông cũng đã nhiều lần liên hệ nhưng UBND xã M không giao đất

trúng đấu giá cho ông. Sau đó, ngày 13/6/2019, ông có nộp đơn gửi đến UBND huyện P khiếu nại việc UBND xã M không giao đất mà ông đã trúng đấu giá cho ông và UBND huyện P đã có Văn bản trả lời số 938/UBND-TNMT ngày 17/9/2019. Cho đến nay, UBND xã M không trả tiền trúng đấu giá cho ông và cũng không giao thửa đất số 334 mà ông đã trúng đấu giá đất cho ông.

Sau khi ông nộp tiền trúng đấu giá đất vào ngày 22/9/2009 cho đến khoảng năm 2020 thì đất bỏ hoang, ông liên tục đòi giao đất, khiếu nại nhưng xã không giải quyết. Cho đến năm 2020, ông có làm hàng rào, rào lưới B40 trên đất để tránh việc sạ lúa đất lấp mương nước sát bên cạnh. Việc ông làm là để bảo vệ quyền lợi của ông, do ông đã nộp tiền trúng đấu giá nhưng xã không giao đất cho ông.

Ông xác định là khoảng năm 2020 hoặc năm 2021 (ông không nhớ chính xác thời gian), ông có xây dựng tường rào, kéo lưới B40, trụ bê tông, xây 02 lớp đá chẻ làm móng, trồng cây chuối trên thửa đất số 334. Việc xây dựng các công trình và trồng cây nói trên là do ông tự làm, có kêu thợ. Do thời gian lâu quá nên ông không nhớ tên thợ nên không thể cung cấp được thông tin cho Toà án. Ông xác định mẹ ông bà Nguyễn Thị Y có biết việc ông làm nhưng không tham gia việc xây dựng công trình hoặc trồng cây trên đất.

Trong quá trình ông xây dựng tường rào, kéo lưới B40, trụ bê tông, xây 02 lớp đá chẻ làm móng, trồng cây chuối, ông không thấy chính quyền địa phương xuống kiểm tra hoặc lập biên bản và từ trước đến nay, ông cũng không thấy chính quyền địa phương xuống nhà ông để kiểm tra hoặc lập biên bản việc xây dựng, trồng cây trên thửa đất số 334.

Ông thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Ngoài ra, ông không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người làm chứng ông Phan Văn T1 – Trưởng thôn T, xã M, huyện P trình bày:

Hiện nay, ông là Trưởng thôn T, xã M, huyện P.

Ông xác định là tại thời điểm đoàn kiểm tra lập Biên bản số 18 và thông qua biên bản đều có mặt bà Y vì phải có mặt bà Y thì đoàn kiểm tra với có thể làm việc và lập biên bản theo quy định.

Việc lập biên bản như sau: Vào chiều ngày 29/8/2022, ông cùng với các ông Lê Thái B1 – Phó Chủ tịch UBND xã M, Trần Đình L1 và Nguyễn Đức C1 – Địa chính xã M, Trần Đăng T2 – Tư pháp xã có đến tại hiện trường là thửa đất số 334. Thửa đất trên nằm sau lưng nhà bà Nguyễn Thị Y. Khi các ông đến thửa đất trên, ông có vào nhà bà Y để gọi bà Y ra làm việc. Khi đó bà Y có mặt ở nhà. Sau khi ông gọi thì bà Y có đi ra đám đất đang tranh chấp. Khi bà Y đi ra thì bà Y đứng phía trong đám đất, còn đoàn làm việc thì đứng phía ngoài đám đất, không vào trong được do bà Y đã rào lưới B40. Sau đó, đại diện đoàn kiểm tra đã đọc biên bản. Khi đoàn kiểm tra đọc biên bản có mặt bà Y. Còn việc bà Y có nghe đoàn kiểm tra đọc biên bản hay không ông không biết do khi đó bà Y la chửi, không phối hợp làm việc với đoàn kiểm tra.

Ông xác định bà Y là người kêu thợ để làm tường rào, cổng ngõ, trụ bê tông, trồng cây chuối... trên thửa đất số 334. Tại thời điểm thợ đang làm, xã có ra lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/7/2021, đoàn kiểm tra đã kiến nghị bà Y và tổ thợ xây dựng đình chỉ việc xây dựng trái phép trên thửa đất trên, nếu tiếp tục xây dựng công trình trên đất thì sẽ xử lý theo pháp luật. Tại thời điểm lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/7/2021 có mặt bà Y nhưng bà Y không ký vào biên bản.

Vì lý do ở xa, không có liên quan gì đến việc khởi kiện của bà Y nên ông xin vắng mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Nội dung vụ án được xác định như trên, **Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6456/QĐ-XPHC ngày 29/9/2022 và Quyết định số 6700/QĐ-CCXP ngày 13/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/7/2023, người khởi kiện – bà Nguyễn Thị Y (Người khởi kiện) kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện hủy Quyết định số 6456/QĐ-XPHC ngày 29/9/2022 và Quyết định số 6700/QĐ-CCXP ngày 13/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 6456/QĐ-XPHC ngày 29/9/2022 và Quyết định số 6700/QĐ-CCXP ngày 13/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M, huyện P vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Xét kháng cáo của Người khởi kiện đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 6456/QĐ-XPHC ngày 29/9/2022 và Quyết định số 6700/QĐ-CCXP ngày 13/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định thì thấy:

[2.1]. Thửa đất số 66 (Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg) nay là thửa đất số 334 (Bản đồ địa chính) có nguồn gốc là đất trồng lúa do UBND xã M quản lý đấu giá đất công ích cho hộ gia đình cá nhân sử dụng sản xuất nông nghiệp từ năm 1994. Năm 2009, ông Nguyễn Văn K (con bà Nguyễn Thị Y) trúng đấu giá đất công ích sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 66 với số tiền 9.200.000 đồng. Ông K yêu cầu UBND xã M giao đất cho gia đình sử dụng đúng diện tích. Năm 2010, do diện tích đất bị một số hộ dân lấn chiếm, không giao được đủ diện tích cho ông K nên UBND xã M kết quả đấu giá ngày 22/9/2009 và hoàn trả lại tiền đấu giá, tính lãi suất theo ngân hàng cho ông K. UBND xã M đã ban hành Thông báo số 15/TB-UBND ngày 26/02/2010 và Thông báo số 49/TB-UBND ngày 13/8/2010 cho ông K biết, thực hiện. Tuy nhiên, ông K không đồng ý, tiếp tục khiếu nại; UBND xã M đã giải quyết trả lời tại Văn bản số 63/CV-UBND ngày 27/8/2012, Văn bản số 30/TB-UBND ngày 02/4/2019 và UBND huyện P đã trả lời tại Văn bản số 938.

[2.2]. Tại Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/7/2021 do UBND xã M (Bút lục 60-61) có nội dung như sau: *“Hiện tại bà Y đã trồng 14 trụ tiêu (bê tông), có chiều dài 26m. Ngoài ra, bà còn xây 02 lớp đá chẻ với chiều dài 9,90m. (Hiện tại, bà Y đã xây dựng trái phép trên thửa 334, tờ bản đồ 17). Tại hiện trường đã làm hai cánh cửa mở bằng trụ sắt kéo lưới B40 (kích thước rộng 3m, cao 1,75m). Hiện tại trên hiện trường có khoảng 1000 viên gạch và 05 bao*

xi măng, 50 viên đá chẻ... ”. Ngoài ra, Tổ công tác cũng đã đề nghị bà Y đình chỉ việc xây dựng tường rào trái phép trên thửa đất đã vi phạm (thửa đất số 334), nếu tiếp tục xây dựng các công trình ngoài công trình đã lập Biên bản thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật và đề nghị ông Võ Văn P (đại diện tổ thợ) đình chỉ không xây dựng, nếu cố tình tiếp tục xây dựng thì sẽ xử lý theo quy định. Những người có mặt tại buổi kiểm tra hiện trường nói trên đều ký vào biên bản, ngoại trừ bà Nguyễn Thị Y.

Tại Biên bản ngày 09/11/2021 (Bút lục 62-64) thể hiện ý kiến bà Nguyễn Thị Y như sau *“Bản thân đã rào hàng rào do đất của gia đình đấu giá trúng nên đã rào quản lý, bảo quản tài sản, không lấn chiếm”*. Những người có mặt tại buổi làm việc đều ký vào biên bản, ngoại trừ bà Nguyễn Thị Y có mặt nhưng không ký biên bản bỏ về.

Tại Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 29/8/2022 do UBND xã M (Bút lục 74) có nội dung như sau: *“Hiện tại bà Y đã trồng 14 trụ tiêu (bê tông), có chiều dài 26m. Ngoài ra, bà còn xây 02 lớp đá chẻ với chiều dài 9,90m. (Hiện tại, bà Y đã xây dựng trái phép trên thửa 334, tờ bản đồ 17). Tại hiện trường đã làm hai cánh cửa sắt, kéo lưới B40 (kích thước rộng 3m, cao 1,75m). Hiện tại hiện trường có khoảng 1000 viên gạch. Trên đất đã trồng 19 lùm chuối, đổ thêm 01 xe đất...”*. Ngoài ra, tổ công tác cũng đã đề nghị bà Y đình chỉ việc xây dựng tường rào trái phép trên thửa đất đã vi phạm (thửa đất số 334), nếu tiếp tục xây dựng các công trình ngoài công trình đã lập biên bản thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Những người có mặt tại buổi kiểm tra hiện trường nói trên đều ký vào Biên bản, bà Nguyễn Thị Y không ký.

Qua kết quả kiểm tra hiện trường, UBND xã M tiến hành lập Biên bản số 18 đối với bà Y về hành vi chiếm đất trồng lúa với diện tích 304m² tại khu vực nông thôn, xây dựng tường rào, kéo lưới B40, trụ bê tông, móng xây 02 lớp đá chẻ, trồng chuối trên thửa đất số 334, đất do UBND xã quản lý đấu giá công ích tại thôn T, xã M, huyện P, được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 91.

[2.3]. Theo Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/7/2021 và ngày 29/8/2022, Biên bản số 18 thì bà Y đã có hành vi chiếm đất trồng lúa với diện tích 304m² tại khu vực nông thôn, xây dựng tường rào, kéo lưới B40, trụ bê tông, móng xây 02 lớp đá chẻ, trồng chuối trên thửa đất số 334, đất do UBND xã quản lý đấu giá công ích tại thôn T, xã M, huyện P. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 của Nghị định số 91 quy định về hành vi chiếm đất *“Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép”* thì hành vi nói trên của bà Y là hành vi chiếm đất. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 91 *“Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, thì hình thức và mức xử phạt như sau: b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,02 héc ta đến dưới 0,05 héc ta”* và điểm a khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 91 quy định về biện pháp khắc phục hậu quả *“Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm*

đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này”, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6456 về việc xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 6.000.000 đồng và buộc bà Y phá dỡ tường rào và các công trình xây dựng, phá bỏ toàn bộ cây trồng tại thửa đất số 334, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, trả lại đất đã chiếm là đúng quy định. Sau khi có Quyết định số 6456, bà Y không tự nguyện thi hành quyết định nên UBND xã M có Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 11/10/2022 đề nghị Chủ tịch UBND huyện P ban hành quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả đối với bà Y. Ngày 13/10/2022, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6700 về việc cưỡng chế buộc bà Y thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trả lại đất đã chiếm là đúng quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án sơ thẩm Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 6456/QĐ-XPHC ngày 29/9/2022 và Quyết định số 6700/QĐ-CCXP ngày 13/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[4]. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y không được chấp nhận nên bà Y phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng bà Y là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 38, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm b khoản 3, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 6456/QĐ-XPHC ngày 29/9/2022 xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 6700/QĐ-CCXP ngày 13/10/2022 cưỡng chế

buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Y.

3. Án phí hành chính sơ thẩm sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến